

Hồ sơ công ty 2025

Công ty TNHH Enviapac Research & Consulting

Hồ sơ công ty

Tên tổ chức **Công ty TNHH Enviapac Research & Consulting**
100% vốn đầu tư thuộc EnviX Ltd. (Tokyo, Nhật Bản)

Địa chỉ Phòng 817, tầng 8 tòa nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Thành lập Năm 2024

Chủ tịch Nakazato Yoshihiro (Tokyo)

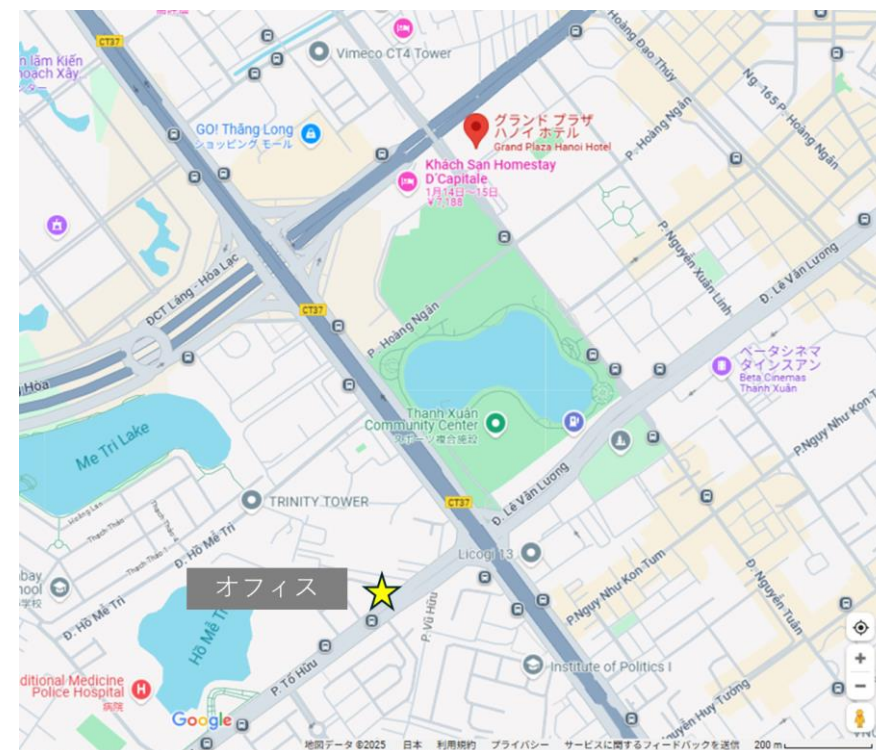
Giám đốc Đinh Thành Nghĩa (Hà Nội)

Điện thoại 024-8586-2368

Email contact@enviapac.com.vn

Website www.enviapac.com.vn

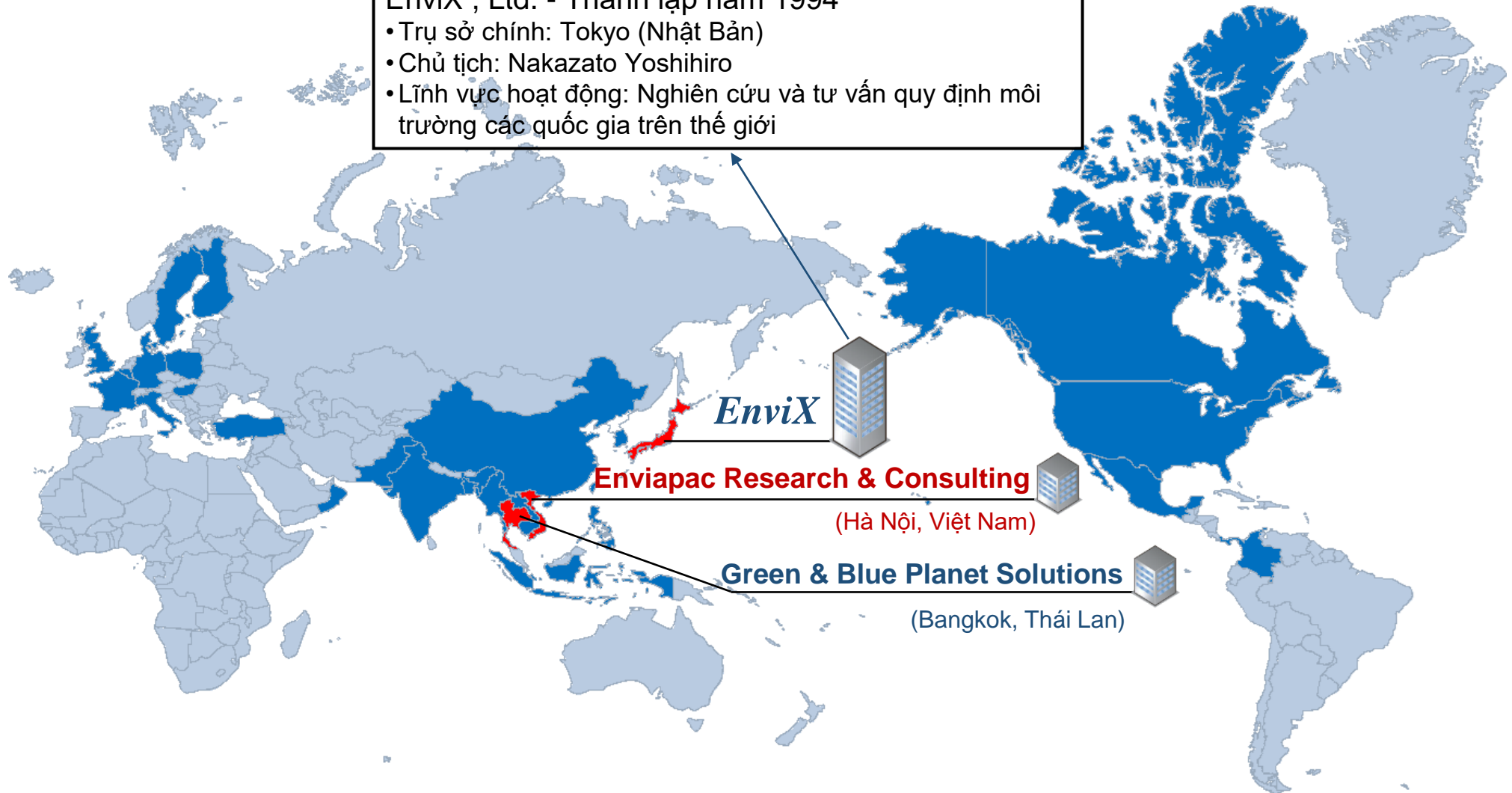
Lĩnh vực hoạt động Môi trường, hóa chất, năng lượng, an toàn - vệ sinh lao động, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, v.v.



Mạng lưới toàn cầu

EnviX , Ltd. - Thành lập năm 1994

- Trụ sở chính: Tokyo (Nhật Bản)
- Chủ tịch: Nakazato Yoshihiro
- Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu và tư vấn quy định môi trường các quốc gia trên thế giới



Dịch vụ tại Việt Nam

■ Dịch vụ tư vấn EHS

Báo cáo định kỳ cập nhật quy định, chính sách, tư vấn Q&A (hợp đồng thường niên)

■ Đánh giá tuân thủ Môi trường - ATVSLĐ

Lập danh mục kiểm tra (checklist), đánh giá tuân thủ quy định EHS (rà soát hồ sơ, kiểm tra hiện trường)

■ Tư vấn quản lý hóa chất

Tư vấn thường niên, lập danh mục và phân loại hóa chất thuộc đối tượng quản lý, khảo sát quy định, v.v.

Các dịch vụ khác

- ✓ Nghiên cứu, khảo sát thị trường (môi trường, hóa chất, tài nguyên nước, năng lượng, v.v.)
- ✓ Hội thảo/ tập huấn về quản lý môi trường
- ✓ Thẩm định môi trường, khảo sát môi trường đất/nước ngầm
- ✓ Tư vấn kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính



Dịch vụ tư vấn môi trường

Dịch vụ tư vấn EHS



Nâng cao năng lực quản lý EHS (Môi trường, Sức khỏe & An toàn) và nhận thức của người lao động tại doanh nghiệp đang hoạt động, đầu tư tại Việt Nam

Gói dịch vụ hỗ trợ thường xuyên theo hợp đồng thường niên.



Báo cáo định kỳ

- Báo cáo hàng tháng cập nhật các xu hướng mới nhất về quy định EHS tại Việt Nam
- Ngôn ngữ: Song ngữ tiếng Việt và tiếng Nhật (hoặc tiếng Anh)
- Khoảng 5 trang/ngôn ngữ (10 trang cho báo cáo song ngữ)



Tư vấn Q&A

- Giải đáp các câu hỏi về quy định EHS tại Việt Nam (điện thoại, email, họp trực tuyến, v.v.)
- Phạm vi: lĩnh vực EHS tại Việt Nam
- Ngôn ngữ: tiếng Việt/Nhật/Anh
- Thời lượng tư vấn khoảng 3h/tháng

Hỗ trợ khác

- ✓ Tùy chọn ngôn ngữ (tiếng Nhật, tiếng Anh)
- ✓ Soạn thảo và cập nhật văn bản quy định EHS
- ✓ Rà soát hồ sơ EHS
- ✓ Kiểm tra hiện trường

Đánh giá tuân thủ Môi trường - An toàn

Mục tiêu của dịch vụ

- ✓ Đánh giá hiện trạng quản lý và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định liên quan hiện hành, tránh các vi phạm.
- ✓ Hỗ trợ doanh nghiệp chủ động phòng ngừa các rủi ro, sự cố về môi trường, áp dụng các biện pháp giảm thiểu phát thải ô nhiễm ra môi trường trong quá trình hoạt động.
- ✓ Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của các phương pháp xử lý chất thải đang áp dụng.
- ✓ Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý hóa chất, an toàn vệ sinh lao động, cải thiện các khía cạnh an toàn của cơ sở.
- ✓ Sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu, năng lượng, v.v.

* Phạm vi đánh giá (lĩnh vực, danh mục kiểm tra, ngôn ngữ, v.v.) được thảo luận, điều chỉnh theo nhu cầu của khách hàng.



01

Quy định bảo vệ môi trường

- Đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, quản lý chất thải, chất lượng nước, không khí, tiếng ồn và độ rung, kế hoạch ứng phó sự cố, báo cáo hàng năm, v.v.



02

Quy định quản lý hóa chất

- Giấy phép, giấy chứng nhận, phiếu an toàn hóa chất, nhãn hóa chất, huấn luyện an toàn, kế hoạch/biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố, báo cáo hàng năm, lưu trữ bảo quản và sử dụng hóa chất, v.v.



03

Quy định An toàn vệ sinh lao động

- Huấn luyện ATVSLĐ, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, công việc nguy hiểm, an toàn điện, an toàn máy, thiết bị, phòng cháy chữa cháy, v.v.



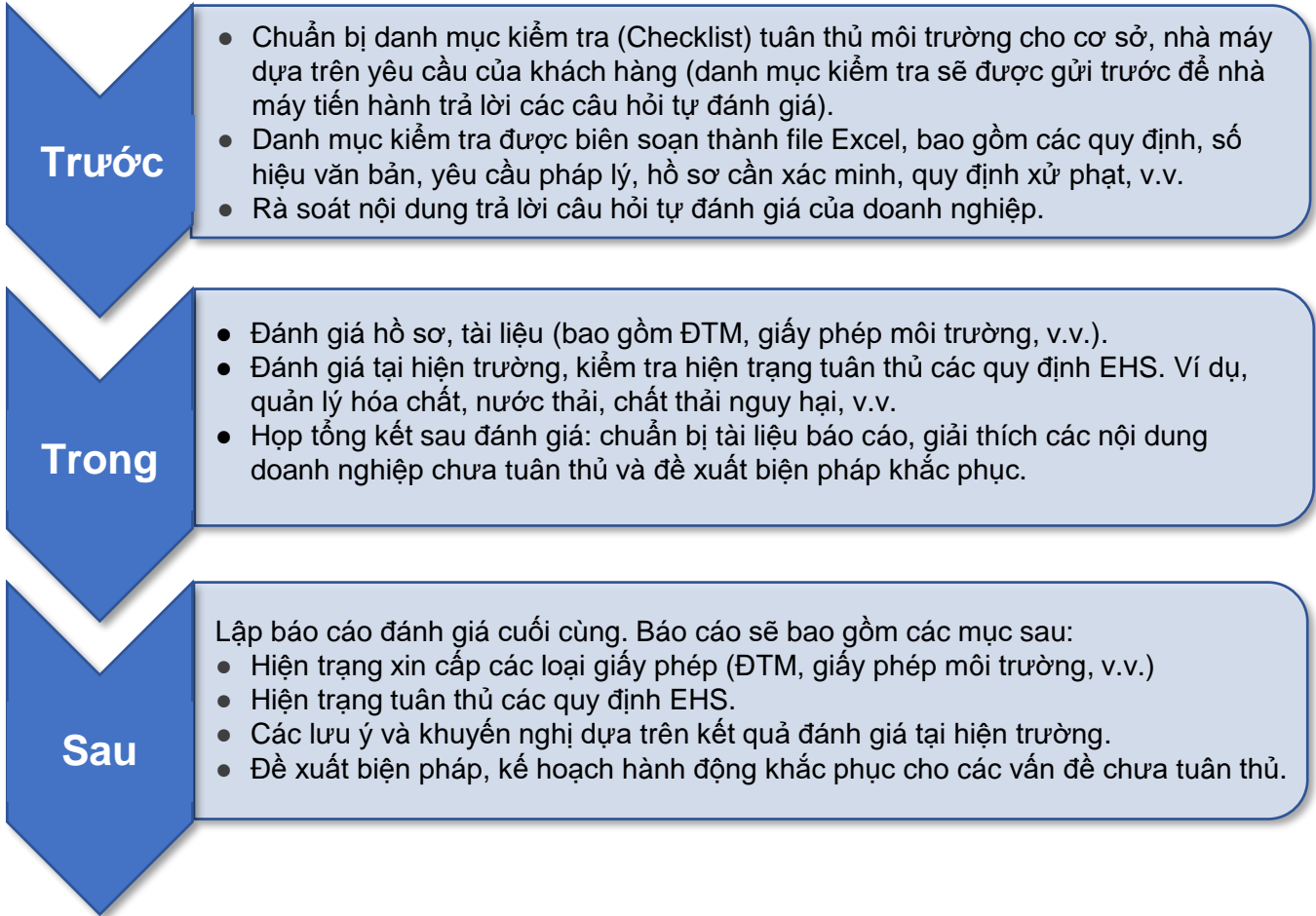
04

Quy định khác (năng lượng, KNK, v.v)

- Báo cáo tiêu thụ năng lượng, kế hoạch tiết kiệm năng lượng, kiểm toán năng lượng, kiểm kê khí nhà kính (KNK), kế hoạch và báo cáo thực hiện giảm phát thải KNK, v.v.

Đánh giá tuân thủ Môi trường - An toàn

Quy trình đánh giá



Danh mục kiểm tra tuân thủ

- Cung cấp 3 ngôn ngữ (tiếng Việt, Nhật, Anh)

Does the factory carry out periodic wastewater monitoring?
 Subjects required to carry out periodic wastewater monitoring include:
 a) Dedicated areas for production, business, service and industrial clusters that discharge wastewater into the environment;
 b) Investment projects and facilities that discharge wastewater into the environment at a large flow rate (≥ 500m³/day (24 hours)).
 Note: Average flow rate: 200-500m³/day; Large flow rate: 500-1000m³/day; Very large flow rate: >1000m³/day.
 Entities, wastewater discharge flow rates and monitoring methods required to carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater are specified in the Appendix XXVIII of the Decree, except for facilities which connect their wastewater to the centralized wastewater treatment system, facilities which discharge cooling water not containing chlorine or disinfectants, etc.
 a) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 4 in the Appendix XXVIII must carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree.
 b) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 5 in the Appendix XXVIII shall carry out automatic and continuous monitoring of wastewater or periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree.
 The periodic wastewater monitoring must comply with regulations on time, frequency and parameters; parameters that have been automatically and continuously monitored are not required to be periodically monitored.
 (Article 111 Clause 2, 4 of Law; Article 97 Clause 1, 2 of Decree)

废水の定期モニタリングを実施しているか?
 定期排水モニタリングを実施しなければならない対象は以下のとおり。
 a) 工場・事業場・サービス施設・工業団地等が排水を環境へ排出する施設。
 b) 排水量が1日あたり500m³以上で排水を環境へ排出する投資プロジェクト施設。
 ※排水量: 200-500m³/日、大流量: 500-1000m³/日、特大流量: >1000m³/日
 自動連続排水モニタリングによる定期モニタリングの実施対象となる事業場、排水量、測定方法の詳細は本法令付属書XXVIIIに規定される。(但し、集中排水処理システムへ接続する施設、塩素や殺菌剤が含まれない冷却水を排出する施設を除く。
 a) 付属書XXVIIIの第1項で定められた排水量を排出する第2項に該当する事業場は、法令第97条第3、4項で規定された排水の自動連続モニタリングおよび定期モニタリングを実施しなければならない。
 b) 付属書XXVIIIの第2項で定められた排水量を排出する第2項に該当する事業場は、法令第97条第3、4項で規定された排水の自動連続モニタリングまたは定期モニタリングを実施しなければならない。
 定期排水モニタリングに関する時間、頻度、パラメータは規定に従って実施しなければならない。ただし、自動連続排水モニタリングで測定されたパラメータは、定期モニタリングで測定する必要がない。
 (法律第111条第2、4項、政令第97条第1、2項)

Does the factory carry out periodic waste water monitoring with proper parameters and frequency?
 a) Periodic wastewater monitoring parameters and frequency are specified in the environmental license.
 b) For a project or facilities which is continuously operating, wastewater must be monitored every 03 months in the case which an EIA is required and every 06 months in the other cases.
 c) Regarding the parameters such as total organochlorine of pesticides, total organophosphorus of pesticides, total Polychlorinated Biphenyls (PCBs), dioxin and easily absorbed organic halogens (if any), wastewater must be monitored one time per year in all cases.
 (Article 97 Clause 3 of Decree)

定期排水モニタリングを適切に行う
 定期排水モニタリングのパラメータと頻度は環境許可書に規定される。
 継続的に稼働するプロジェクトや施設については、EIAを必要とする場合は3ヶ月、その他の場合は6ヶ月に1回、排水をモニタリングする必要がある。
 (法令第97条第3項)

ベトナム環境法規制順序チェックリスト

案内内容は日本語項目の欄に記載されています。
 「自己評価」の欄には、会社の現状に即した回答を記入してください。
 また、規定事項がある場合は、1/10/1/1の欄に記入ください。

項目	分類	内容	チェック項目	規制内容	項目	備考/コメント
1	化学物質	化学物質の貯蔵・取扱い	化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼすか?	法令113/2017/ND-CP(化学品)および2017/TT-BCT(化学品)の製造、取引、貯蔵、使用、廃棄、輸送に関する規定に準拠しているか? (化学品の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合は、EIAを必要とする。)	化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (1) 化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (2) 化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (3) 継続的に稼働する化学施設は、以下の項目を遵守する。 (法令第97条第3項)	
2	化学物質	化学物質の貯蔵・取扱い	継続的に稼働する化学施設は、3ヶ月に1回、排水をモニタリングしているか?	化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合は、3ヶ月に1回、排水をモニタリングする必要がある。 (法令第97条第3項)	化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (1) 化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (2) 化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (3) 継続的に稼働する化学施設は、以下の項目を遵守する。 (法令第97条第3項)	
3	化学物質	化学物質の貯蔵・取扱い	化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合は、3ヶ月に1回、排水をモニタリングしているか?	化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合は、3ヶ月に1回、排水をモニタリングする必要がある。 (法令第97条第3項)	化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (1) 化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (2) 化学物質の貯蔵・取扱いに環境影響を及ぼす場合、以下の項目を遵守する。 (3) 継続的に稼働する化学施設は、以下の項目を遵守する。 (法令第97条第3項)	

Đánh giá tuân thủ Môi trường - An toàn

Ví dụ về Checklist của Việt Nam

Checklist bao quát các quy định: Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn (Nghị định 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 01/2022/TT-BTNMT, sửa đổi tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT),

Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật tài nguyên nước, Luật hóa chất, Luật an toàn vệ sinh lao động, Luật phòng cháy chữa cháy, v.v.

Does the factory carry out periodic wastewater monitoring?

Subjects required to carry out periodic wastewater monitoring include:

- a) Dedicated areas for production, business, service and industrial clusters that discharge wastewater into the environment;
- b) Investment projects and facilities that discharge wastewater into the environment at a large flow rate (> 500m³/day (24 hours)).

Note: Average flow rate: 200-500m³/day; Large flow rate: 500-1000m³/day; Very large flow rate: >1000m³/day

Entities, wastewater discharge flow rates and monitoring methods required to carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater are specified in the Appendix XXVIII of the Decree, except for facilities which connect their wastewater to the centralized wastewater treatment system, facilities which discharge cooling water not containing chlorine or disinfectants, etc.

a) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 4 in the Appendix XXVIII must carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree;

b) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 5 in the Appendix XXVIII shall carry out automatic and continuous monitoring of wastewater or periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree.

The periodic wastewater monitoring must comply with regulations on time, frequency and parameters; parameters that have been automatically and continuously monitored are not required to be periodically monitored.

(Article 111 Clause 2, 4 of Law; Article 97 Clause 1, 2 of Decree)

廃水の定期モニタリングを実施しているか？

定期廃水モニタリングを実施しなければならない対象は以下となる。

- a) 環境へ廃水を排出する集中的製造・取引・サービス地区および工業区
- b) 大流量(500m³/日(24時間)以上)で廃水を環境へ排出する投資プロジェクト・施設

※平均流量: 200-500m³/日; 大流量: 500-1000m³/日; 特大流量: >1000m³/日

自動連続的廃水モニタリングおよび定期モニタリングの実施対象となる事業者、排水量、測定方法の詳細は本政令付属書XXVIIIに規定される。ただし、集中廃水処理システムへ接続する施設、塩素や殺菌剤が含まない冷却水を排出する施設などは除く。

a) 付属書 XXVIII の第4列で定める流量の廃水を排出する第2列に該当する事業者は、政令第 97 条第 3、4 項で指定される排水の自動連続モニタリングおよび定期モニタリングを実施しなければならない。

b) 付属書 XXVIII の第5列で定める流量の廃水を排出する第2列に該当する事業者は、政令第97条第3、4項で指定される排水の自動連続モニタリングまたは定期モニタリングを実行しなければならない。

定期廃水モニタリングにおける時間、頻度、パラメータは規定に従わなければならない。ただし、自動連続廃水モニタリングで測定されたパラメータは、定期モニタリングで測定する必要が無い。

(法律第111条第2、4項、政令第97条第1、2項)

Does the factory carry out periodic waste water monitoring with proper parameters and frequency?

a) Periodic wastewater monitoring parameters and frequency are specified in the environmental license.

b) For a project or facilities which is continuously operating, wastewater must be monitored every 03 months in the case which an EIA is required and every 06 months in the other cases.

c) Regarding the parameters such as total organochlorine of pesticides, total organophosphorus of pesticides, total Polychlorinated Biphenyls (PCBs), dioxin and easily absorbed organic halogens (if any), wastewater must be monitored one time per year in all cases.

(Article 97 Clause 3 of Decree)

定期廃水モニタリングを適切なパラメータ及び頻度で実施しているか。

定期廃水モニタリングのパラメータと頻度は、環境ライセンスに規定されている。

継続して操業中の環境影響評価(EIA)の対象となるプロジェクト・施設は、3ヶ月ごとに、それ以外の場合は6ヶ月ごとに廃水モニタリングを行わなければならない。

農薬の総有機塩素および総有機リン、総ポリ塩化ビフェニル(PCB)、ダイオキシン、ならびに易吸収性有機ハロゲン(ある場合)のパラメータについては、全ての場合の測定頻度は年に1回となる。

(政令第 97 条第 3 項)

Does the factory classify the hazardous waste?

Generator of hazardous waste must identify, classify, collect and separately store hazardous waste and not to mix it with non-hazardous waste, avoid causing environmental pollution.

Generator of hazardous waste must immediately classify hazardous waste after the waste is brought into the hazardous waste storage area at the facility or at the point of delivery to a hazardous waste disposal contractor..

Hazardous waste must be identified according to hazardous waste codes, list and thresholds, specified in Appendix III Form 01 of the Circular.

(Article 83 of Law; Article 71 Clause 1 of Decree; Article 35 and Appendix III Form 01 of Circular)

有害廃棄物を分類しているか？

有害廃棄物排出者は、有害廃棄物の識別・分類・収集を行い、非有害廃棄物と混合しないように個別に保管し、環境汚染の発生を防止しなければならない。

有害廃棄物排出者は、自らの施設の有害廃棄物保管場所に持ち込む時点、または有害廃棄物処理業者に引き渡す時点で、有害廃棄物を分類しなければならない。

有害廃棄物(通達の付属書III書式01)に指定される有害廃棄物コード、リスト、閾値に従って識別されなければならない。

(法律第83条、政令第71条、通達第35条及び付属書III書式01)

Does the factory store the hazardous waste properly?

Generator of hazardous waste must designate an area for temporary storage of hazardous waste, store hazardous waste in packaging or containers which satisfy environmental protection requirements.

Hazardous waste must be stored in accordance with the following requirements:

- a) Classified hazardous waste must be stored separately;
- b) Hazardous waste must not be mixed with general industrial solid waste;
- c) The storage must not result in release of dust or leakage of liquid waste into the environment;
- d) Hazardous waste must be only stored within 01 year from the date on which it is generated.

In case where such hazardous waste is stored exceeding the aforementioned time limit, due to unavailability of a feasible transport/treatment plan or having not found an appropriate hazardous waste treatment service provider, Generator of hazardous waste must submit annual report on hazardous waste storage at the facility generating it to the provincial environmental protection authority as a separate document or including in the periodic environmental report.

(Article 83 Clause 2 of Law, Article 71 Clause 1 of Decree)

有害廃棄物を適切に保管しているか？

有害廃棄物の排出者は、有害廃棄物の一時保管のための場所を設置し、環境保護要件を満たす包装または容器を使用して有害廃棄物を以下の要件に従って保管しなければならない。

- a) 分類された有害廃棄物は、別々に保管されなければならない。
- b) 有害廃棄物は、一般産業固形廃棄物と混同してはならない。
- c) 保管時における、環境中への粉塵の排出や液体廃棄物の流出などを防止する。
- d) 有害廃棄物の保管期限は、発生日から1年とする。

実行可能な輸送・処理計画がない、または適切な有害廃棄物処理業者が見つからないなどの理由で、上記の期限を越えて有害廃棄物が保管される場合、有害廃棄物の排出者は、その発生施設における有害廃棄物の保管に関する年次報告書を、地方の環境保護当局に別の文書として提出するか、または環境保護年次報告書に記載しなければならない。

(法律第83条第2項、政令第71条第1項)

Luật Bảo vệ Môi trường (72/2020/QH14)

Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường

Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường

Nghị định 06/2022/NĐ-CP về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn

Thông tư 01/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu

Sửa đổi tại Nghị định
05/2025/NĐ-CP

Sửa đổi tại Thông tư
07/2025/TT-BTNMT

Luật hóa chất (06/2007/QH12)

Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết Luật hóa chất

Thông tư 32/2017/TT-BCT hướng dẫn Luật hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP

Sửa đổi tại Nghị định
82/2022/NĐ-CP

Sửa đổi tại Thông tư
17/2022/TT-BCT

Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (50/2010/QH12)

Nghị định 21/2011/NĐ-CP quy định chi tiết Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Thông tư 25/2020/TT-BCT về việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Luật an toàn vệ sinh lao động (84/2015/QH13)

Nghị định 39/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật an toàn, vệ sinh lao động

Nghị định 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động

Luật Phòng cháy chữa cháy (27/2001/QH10, 40/2013/QH13)

Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

Sửa đổi tại Nghị định
50/2024/NĐ-CP

Chúng tôi hỗ trợ đánh giá chuyên sâu về quản lý hóa chất!

Bao gồm Luật bảo vệ môi trường, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật tài nguyên nước, **Luật hóa chất**, Luật an toàn vệ sinh lao động, v.v.

Giấy phép, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố, báo cáo hàng năm, phiếu an toàn, kho lưu trữ hóa chất, v.v.

Does the factory carry out periodic wastewater monitoring?
 Subjects required to carry out periodic wastewater monitoring include:
 a) Dedicated areas for production, business, service and industrial clusters that discharge wastewater into the environment;
 b) Investment projects and facilities that discharge wastewater into the environment at a large flow rate (> 500m³/day (24 hours)).
 Note: Average flow rate: 200-500m³/day; Large flow rate: 500-1000m³/day; Very large flow rate: >1000m³/day
 Entities, wastewater discharge flow rates and monitoring methods required to carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater are specified in the Appendix XXVIII of the Decree, except for facilities which connect their wastewater to the centralized wastewater treatment system, facilities which discharge cooling water not containing chlorine or disinfectants, etc.
 a) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 4 in the Appendix XXVIII must carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree;
 b) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 5 in the Appendix XXVIII shall carry out automatic and continuous monitoring of wastewater or periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree.
 The periodic wastewater monitoring must comply with regulations on time, frequency and parameters; parameters that have been automatically and continuously monitored are not required to be periodically monitored.
 (Article 111 Clause 2, 4 of Law; Article 97 Clause 1, 2 of Decree)

Định mức xả nước thải phải tuân thủ?
 Định mức xả nước thải phải tuân thủ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 a) Khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cụm công nghiệp xả nước thải ra môi trường;
 b) Dự án đầu tư và các cơ sở xả nước thải ra môi trường với lưu lượng xả lớn (> 500m³/ngày (24 giờ)).
 ※ Lưu lượng trung bình: 200-500m³/ngày; Lưu lượng lớn: 500-1000m³/ngày; Lưu lượng rất lớn: > 1000m³/ngày
 Các thực thể, lưu lượng xả nước thải và các phương pháp giám sát liên tục và giám sát định kỳ của nước thải được quy định trong Phụ lục XXVIII của Nghị định, ngoại trừ các cơ sở kết nối nước thải của họ với hệ thống xử lý nước thải tập trung, các cơ sở xả nước làm mát không chứa clo hoặc chất khử trùng, v.v.
 a) Các thực thể được liệt kê trong cột 2 với các lưu lượng xả được liệt kê trong cột 4 trong Phụ lục XXVIII phải thực hiện giám sát liên tục và giám sát định kỳ của nước thải theo quy định tại Điều 97 khoản 3, 4 của Nghị định;
 b) Các thực thể được liệt kê trong cột 2 với các lưu lượng xả được liệt kê trong cột 5 trong Phụ lục XXVIII phải thực hiện giám sát liên tục và giám sát định kỳ của nước thải theo quy định tại Điều 97 khoản 3, 4 của Nghị định.
 Việc giám sát định kỳ nước thải phải tuân thủ các quy định về thời gian, tần suất và các thông số; các thông số đã được giám sát liên tục và liên tục không cần phải được giám sát định kỳ.
 (Điều 111 khoản 2, 4 của Luật; Điều 97 khoản 1, 2 của Nghị định)

Does the factory carry out periodic waste water monitoring with proper parameters and frequency?
 a) Periodic wastewater monitoring parameters and frequency are specified in the environmental license.
 b) For a project or facilities which is continuously operating: wastewater must be monitored every 03 months in the case which an EIA is required and every 06 months in the other cases.
 c) Regarding the parameters such as total organochlorine of pesticides, total organophosphorus of pesticides, total Polychlorinated Biphenyls (PCBs), dioxin and easily absorbed organic halogens (if any), wastewater must be monitored one time per year in all cases.
 (Article 97 Clause 3 of Decree)

Định mức xả nước thải phải tuân thủ các thông số và tần suất như thế nào?
 Định mức xả nước thải phải tuân thủ các thông số và tần suất được quy định trong Giấy phép môi trường.
 b) Đối với dự án hoặc các cơ sở hoạt động liên tục: nước thải phải được giám sát mỗi 03 tháng trong trường hợp yêu cầu EIA và mỗi 06 tháng trong các trường hợp khác.
 c) Về các thông số như tổng hàm lượng clo hữu cơ của thuốc trừ sâu, tổng hàm lượng phospho hữu cơ của thuốc trừ sâu, tổng Polychlorinated Biphenyls (PCBs), dioxin và các halogen hữu cơ dễ hấp thụ (nếu có), nước thải phải được giám sát một lần mỗi năm trong tất cả các trường hợp.
 (Điều 97 khoản 3 của Nghị định)

Does the factory classify the hazardous waste?
 Generator of hazardous waste must identify, classify, collect and separately store hazardous waste and not to mix it with non-hazardous waste, avoid causing environmental pollution.
 Generator of hazardous waste must immediately classify hazardous waste after the waste is brought into the hazardous waste storage area at the facility or at the point of delivery to a hazardous waste disposal contractor.
 Hazardous waste must be identified according to hazardous waste codes, list and thresholds, specified in Appendix III Form 01 of the Circular.
 (Article 83 of Law; Article 71 Clause 1 of Decree; Article 35 and Appendix III Form 01 of Circular)

Thực thể có phân loại chất thải nguy hại không?
 Người tạo ra chất thải nguy hại phải nhận dạng, phân loại, thu gom và lưu trữ riêng chất thải nguy hại và không được trộn lẫn với chất thải không nguy hại, tránh gây ô nhiễm môi trường.
 Người tạo ra chất thải nguy hại phải ngay lập tức phân loại chất thải nguy hại sau khi chất thải được đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại tại cơ sở hoặc tại điểm giao nhận chất thải nguy hại để xử lý.
 Chất thải nguy hại phải được nhận dạng theo mã chất thải nguy hại, danh sách và ngưỡng, được quy định trong Phụ lục III Mẫu 01 của Thông tư.
 (Điều 83 của Luật; Điều 71 khoản 1 của Nghị định; Điều 35 và Phụ lục III Mẫu 01 của Thông tư)

Does the factory store the hazardous waste properly?
 Generator of hazardous waste must designate an area for temporary storage of hazardous waste, store hazardous waste in packaging or containers which satisfy environmental protection requirements.
 Hazardous waste must be stored in accordance with the following requirements:
 a) Classified hazardous waste must be stored separately;
 b) Hazardous waste must not be mixed with general industrial solid waste;
 c) The storage must not result in release of dust or leakage of liquid waste into the environment;
 d) Hazardous waste must be only stored within 01 year from the date on which it is generated.
 In case where such hazardous waste is stored exceeding the aforementioned time limit, due to unavailability of a feasible transport/treatment plan or having not found an appropriate hazardous waste treatment service provider, Generator of hazardous waste must submit annual report on hazardous waste storage at the facility generating it to the provincial environmental protection authority as a separate document or including in the periodic environmental report.
 (Article 83 Clause 2 of Law, Article 71 Clause 1 of Decree)

Thực thể có lưu trữ chất thải nguy hại đúng cách không?
 Người tạo ra chất thải nguy hại phải chỉ định một khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, lưu trữ chất thải nguy hại trong bao bì hoặc thùng chứa đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.
 Chất thải nguy hại phải được lưu trữ theo các yêu cầu sau đây:
 a) Chất thải nguy hại đã phân loại phải được lưu trữ riêng biệt;
 b) Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải rắn công nghiệp thông thường;
 c) Việc lưu trữ không được dẫn đến việc phát tán bụi hoặc rò rỉ chất lỏng chất thải nguy hại ra môi trường;
 d) Chất thải nguy hại chỉ được lưu trữ trong vòng 01 năm kể từ ngày được tạo ra.
 Trong trường hợp chất thải nguy hại được lưu trữ vượt quá thời hạn nêu trên do không có kế hoạch vận chuyển/xử lý khả thi hoặc chưa tìm được nhà cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp, người tạo ra chất thải nguy hại phải nộp báo cáo hàng năm về việc lưu trữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải nguy hại cho cơ quan bảo vệ môi trường tỉnh như một tài liệu riêng biệt hoặc bao gồm trong báo cáo môi trường định kỳ.
 (Điều 83 khoản 2 của Luật, Điều 71 khoản 1 của Nghị định)

Thực thể có lưu trữ chất thải nguy hại đúng cách không?
 Người tạo ra chất thải nguy hại phải chỉ định một khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, lưu trữ chất thải nguy hại trong bao bì hoặc thùng chứa đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.
 Chất thải nguy hại phải được lưu trữ theo các yêu cầu sau đây:
 a) Chất thải nguy hại đã phân loại phải được lưu trữ riêng biệt;
 b) Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải rắn công nghiệp thông thường;
 c) Việc lưu trữ không được dẫn đến việc phát tán bụi hoặc rò rỉ chất lỏng chất thải nguy hại ra môi trường;
 d) Chất thải nguy hại chỉ được lưu trữ trong vòng 01 năm kể từ ngày được tạo ra.
 Trong trường hợp chất thải nguy hại được lưu trữ vượt quá thời hạn nêu trên do không có kế hoạch vận chuyển/xử lý khả thi hoặc chưa tìm được nhà cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp, người tạo ra chất thải nguy hại phải nộp báo cáo hàng năm về việc lưu trữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải nguy hại cho cơ quan bảo vệ môi trường tỉnh như một tài liệu riêng biệt hoặc bao gồm trong báo cáo môi trường định kỳ.
 (Điều 83 khoản 2 của Luật, Điều 71 khoản 1 của Nghị định)

Chúng tôi hỗ trợ đánh giá chuyên sâu về lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động và phòng ngừa tai nạn!

Bao gồm Luật bảo vệ môi trường, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật tài nguyên nước, Luật hóa chất, **Luật an toàn vệ sinh lao động**, v.v.

Huấn luyện ATVSLĐ, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, công việc nguy hiểm, an toàn điện, an toàn máy, thiết bị, phòng cháy chữa cháy, v.v.

Does the factory carry out periodic wastewater monitoring?
 Subjects required to carry out periodic wastewater monitoring include:
 a) Dedicated areas for production, business, service and industrial clusters that discharge wastewater into the environment;
 b) Investment projects and facilities that discharge wastewater into the environment at a large flow rate (> 500m³/day (24 hours)).
 Note: Average flow rate: 200-500m³/day; Large flow rate: 500-1000m³/day; Very large flow rate: >1000m³/day
 Entities, wastewater discharge flow rates and monitoring methods required to carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater are specified in the Appendix XXVIII of the Decree, except for facilities which connect their wastewater to the centralized wastewater treatment system, facilities which discharge cooling water not containing chlorine or disinfectants, etc.
 a) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 4 in the Appendix XXVIII must carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree;
 b) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 5 in the Appendix XXVIII shall carry out automatic and continuous monitoring of wastewater or periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree.
 The periodic wastewater monitoring must comply with regulations on time, frequency and parameters; parameters that have been automatically and continuously monitored are not required to be periodically monitored.
 (Article 111 Clause 2, 4 of Law; Article 97 Clause 1, 2 of Decree)

廃水の定期モニタリングを実施しているか?
 定期廃水モニタリングを実施しなければならない対象は以下となる。
 a) 環境へ廃水を排出する集中的製造・取引サービス地区および工業区
 b) 大流量(500m³/日(24時間以上))で廃水を環境へ排出する投資プロジェクト・施設
 ※平均流量: 200-500m³/日; 大流量: 500-1000m³/日; 特大流量: >1000m³/日
 自動連続的廃水モニタリングおよび定期モニタリングの実施対象となる事業者、排水量、測定方法の詳細は本政令付属書XXVIIIに規定される。(但し、集中廃水処理システムへ接続する施設、塩素や殺菌剤が含まない冷却水を排出する施設などは除く。
 a) 付属書 XXVIII の第47で定める流量の廃水を排出する第2列に該当する事業者は、政令第97条第3、4項で指定される排水の自動連続モニタリングおよび定期モニタリングを実施しなければならない。
 b) 付属書XXVIIIの第57で定める流量の廃水を排出する第2列に該当する事業者は、政令第97条第3、4項で指定される排水の自動連続モニタリングまたは定期モニタリングを実施しなければならない。
 定期廃水モニタリングにおける時間、頻度、パラメータは規定に従わなければならない。ただし、自動連続的廃水モニタリングで測定されたパラメータは、定期モニタリングで測定する必要が無い。
 (法律第111条第2、4項、政令第97条第1、2項)

Does the factory carry out periodic waste water monitoring with proper parameters and frequency?
 a) Periodic wastewater monitoring parameters and frequency are specified in the environmental license.
 b) For a project or facilities which is continuously operating, wastewater must be monitored every 03 months in the case which an EIA is required and every 06 months in the other cases.
 c) Regarding the parameters such as total organochlorine of pesticides, total organophosphorus of pesticides, total Polychlorinated Biphenyls (PCBs), dioxin and easily absorbed organic halogens (if any), wastewater must be monitored one time per year in all cases.
 (Article 97 Clause 3 of Decree)
定期廃水モニタリングを適切なパラメータ及び頻度で実施しているか。
 定期廃水モニタリングのパラメータと頻度は、環境ライセンスに規定されている。
 継続して操業中の環境影響評価(EIA)の対象となるプロジェクト・施設は、3ヶ月ごとに、それ以外の場合は06ヶ月ごとに廃水モニタリングを行わなければならない。
 農薬の総有機塩素および総有機リン、総ポリ塩化ビフェニル(PCB)、ダイオキシン、ならびに易吸収性有機)ロゲン(ある場合)のパラメータについては、全ての場合の測定頻度は年に1回となる。
 (政令第97条第3項)

Does the factory classify the hazardous waste?
 Generator of hazardous waste must identify, classify, collect and separately store hazardous waste and not to mix it with non-hazardous waste, avoid causing environmental pollution.
 Generator of hazardous waste must immediately classify hazardous waste after the waste is brought into the hazardous waste storage area at the facility or at the point of delivery to a hazardous waste disposal contractor..
 Hazardous waste must be identified according to hazardous waste codes, list and thresholds, specified in Appendix III Form 01 of the Circular.
 (Article 83 of Law; Article 71 Clause 1 of Decree; Article 35 and Appendix III Form 01 of Circular)
有害廃棄物を分類しているか?
 有害廃棄物排出者は、有害廃棄物の識別・分類・収集を行い、非有害廃棄物と混合しないように個別に保管し、環境汚染の発生を防止しなければならない。
 有害廃棄物排出者は、自らの施設の有害廃棄物保管場所に持ち込む時点、または有害廃棄物処理業者に引き渡す時点で、有害廃棄物を分類しなければならない。
 有害廃棄物と関連する付属書III書式01に指定される有害廃棄物コード、リスト、閾値に従って識別されなければならない。
 (法律第83条、政令第71条、通達第35条及び付属書III書式01)

Does the factory store the hazardous waste properly?
 Generator of hazardous waste must designate an area for temporary storage of hazardous waste, store hazardous waste in packaging or containers which satisfy environmental protection requirements.
 Hazardous waste must be stored in accordance with the following requirements:
 a) Classified hazardous waste must be stored separately;
 b) Hazardous waste must not be mixed with general industrial solid waste;
 c) The storage must not result in release of dust or leakage of liquid waste into the environment;
 d) Hazardous waste must be only stored within 01 year from the date on which it is generated.
 In case where such hazardous waste is stored exceeding the aforementioned time limit, due to unavailability of a feasible transport/treatment plan or having not found an appropriate hazardous waste treatment service provider, Generator of hazardous waste must submit annual report on hazardous waste storage at the facility generating it to the provincial environmental protection authority as a separate document or including in the periodic environmental report.
 (Article 83 Clause 2 of Law, Article 71 Clause 1 of Decree)

有害廃棄物を適切に保管しているか?
 有害廃棄物の排出者は、有害廃棄物の一時保管のための場所を設置し、環境保護要件を満たす包装または容器を使用して有害廃棄物を以下の要件に従って保管しなければならない。
 a) 分類された有害廃棄物は、別々に保管されなければならない。
 b) 有害廃棄物は、一般産業固形廃棄物と混同してはならない。
 c) 保管時における、環境中への粉塵の排出や液体廃棄物の流出などを防止する。
 d) 有害廃棄物の保管期間は、発生日から1年とする。
 実行可能な輸送・処理計画がない、または適切な有害廃棄物処理業者が見つからないなどの理由で、上記の期限を越えて有害廃棄物が保管される場合、有害廃棄物の排出者は、その発生施設における有害廃棄物の保管に関する年次報告書を、地方の環境保護当局に別の文書として提出するか、または環境保護年次報告書に記載しなければならない。
 (法律第83条第2項、政令第71条第1項)

Đánh giá tuân thủ Môi trường - An toàn

Hỗ trợ đánh giá tại hiện trường

- Chúng tôi tiến hành đánh giá tuân thủ tại hiện trường dựa trên danh mục kiểm tra (Checklist)



Liên hệ

- Nắm bắt thông tin về cơ sở nhà máy, nội dung khách hàng quan tâm
- Xem xét khả năng thực hiện, phản hồi khách hàng



Họp tư vấn

- Làm rõ chi tiết các nội dung, hạng mục liên quan
- Làm rõ các mục đánh giá, các khía cạnh chính, v.v.



Chuẩn bị trước đánh giá

- Khảo sát sơ bộ các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá.
- Điều chỉnh, làm rõ các mục trong Checklist sử dụng cho việc đánh giá tại hiện trường (quy định áp dụng, v.v.)

Đánh giá tuân thủ Môi trường - An toàn

Hỗ trợ đánh giá tại hiện trường

- Chúng tôi tiến hành đánh giá tuân thủ tại hiện trường dựa trên danh mục kiểm tra (Checklist)



Họp trước đánh giá

- Kiểm tra trước các hồ sơ, giấy phép hiện có của cơ sở.



Đánh giá hiện trường

- Kiểm tra hiện trạng tuân thủ các yêu cầu, quy định (kiểm tra hồ sơ, hiện trường, phỏng vấn cán bộ phụ trách)



Họp tổng kết

- Làm rõ các nội dung tuân thủ/ chưa tuân thủ
- Thảo luận về các phương án cải thiện, hành động khắc phục



Báo cáo đánh giá

- Báo cáo kết quả bao gồm nội dung chưa tuân thủ, địa điểm, mức độ nghiêm trọng, căn cứ pháp luật, phương án cải thiện, kế hoạch thực hiện, ...

Đánh giá tuân thủ Môi trường - An toàn

Sản xuất thiết bị điện tử
01 nhà máy
(Đánh giá tuân thủ Môi trường - ATVSLĐ)

Sản xuất phụ tùng máy móc
01 nhà máy
(Đánh giá tuân thủ ATVSLĐ)

Sản xuất sản phẩm thép
02 nhà máy
(Đánh giá tuân thủ Môi trường)

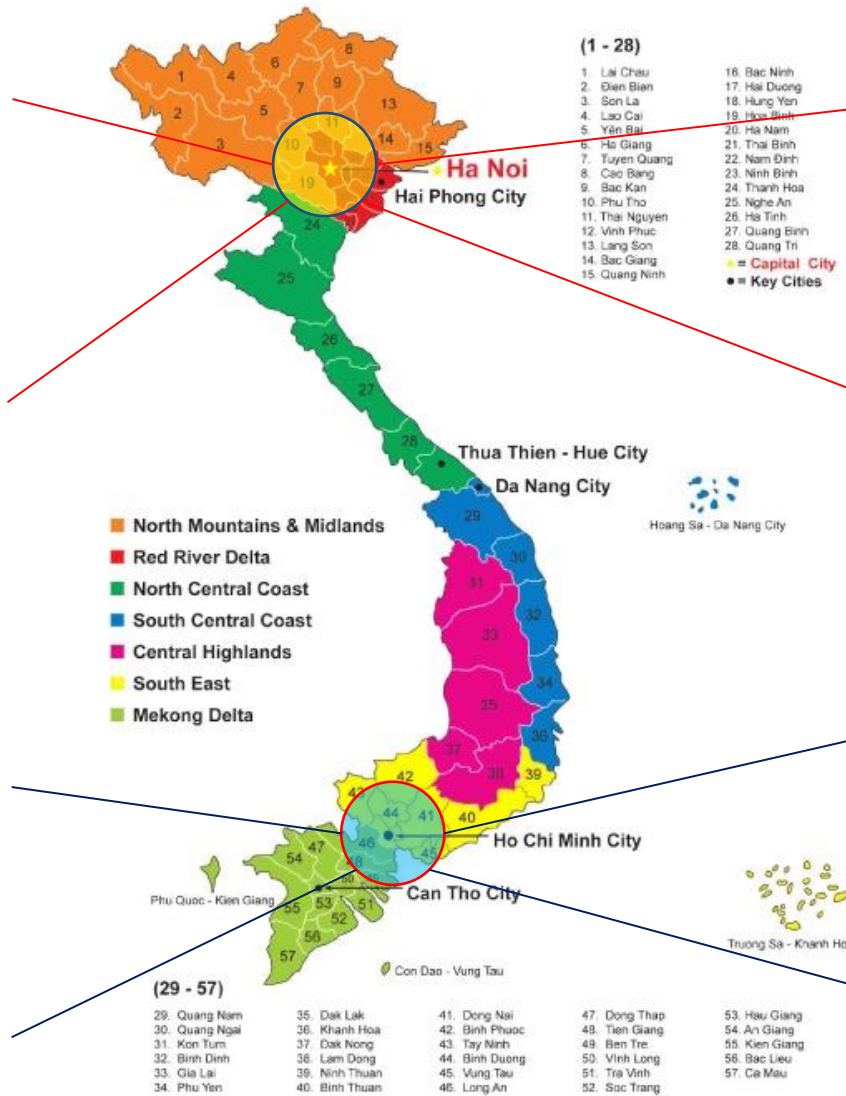
Sản xuất hóa chất
01 nhà máy
(Đánh giá quản lý hóa chất)

Sản xuất thiết bị y tế
02 nhà máy
(Đánh giá tuân thủ môi trường & quản lý hóa chất)

Sản xuất bao bì
03 nhà máy
(Đánh giá tuân thủ môi trường)

Sản xuất phụ tùng máy móc
02 nhà máy
(Đánh giá tuân thủ ATVSLĐ)

Sản xuất bao bì
05 nhà máy
(Đánh giá tuân thủ môi trường)



Các dịch vụ tư vấn môi trường khác

Thẩm định môi trường*

*Environmental Due Diligence



Dịch vụ nhằm xác định rủi ro về môi trường của đất đai và công trình (ví dụ như ô nhiễm đất) trong quá trình xây dựng nhà máy mới, sáp nhập và mua lại (M&A), lập kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh (BCP), giao dịch bất động sản, chứng khoán hóa, v.v.

Khảo sát môi trường đất / nước ngầm



Việc tiến hành khảo sát môi trường đất và nước ngầm để đánh giá hiện trạng trước khi xây dựng nhà máy trở thành thông lệ phổ biến. Yêu cầu về khảo sát môi trường đất và nước ngầm phục vụ cho giao dịch đất đai, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO và định giá tài sản cũng đang gia tăng.

Chúng tôi có thể hỗ trợ khảo sát môi trường đất và nước ngầm thông qua hợp tác với các chuyên gia và đối tác giàu kinh nghiệm!



Dịch vụ tư vấn quản lý hóa chất

Dịch vụ tư vấn quản lý hóa chất

Chúng tôi hỗ trợ khách hàng tuân thủ các quy định về quản lý hóa chất tại Việt Nam

* “Tư vấn định kỳ” và “Tư vấn theo yêu cầu” là các dịch vụ khác nhau.

Tư vấn định kỳ

* Tư vấn định kỳ được thực hiện theo hợp đồng thường niên.

Mục	Nội dung chi tiết
Báo cáo hàng quý	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật các thông tin mới nhất về quy định hóa chất tại Việt Nam (03 tháng một lần) Ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng Nhật (hoặc tiếng Anh) Số lượng: dự kiến khoảng 6 trang (tổng cộng khoảng 12 trang cho báo cáo song ngữ)
Tư vấn giải đáp Q&A	<ul style="list-style-type: none"> Giải đáp thắc mắc về quy định hóa chất Việt Nam (điện thoại, email) Phạm vi: quy định pháp luật và chính sách về quản lý hóa chất, và hải quan (liên quan đến xuất nhập khẩu hóa chất) Ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Nhật hoặc tiếng Anh tùy theo tính chất câu hỏi Thời lượng: khoảng 2 tiếng/ tháng

Tư vấn theo yêu cầu

* Sau đây là một vài nội dung về tư vấn theo yêu cầu. Chúng tôi sẽ cung cấp báo giá riêng tùy thuộc vào nhu cầu của khách hàng.

- ✓ Khảo sát quy định quản lý hóa chất
- ✓ Tư vấn thủ tục xin cấp giấy phép hóa chất
- ✓ Phiếu an toàn hóa chất (SDS) và nhãn hóa chất
- ✓ Lập biện pháp/kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất
- ✓ Hỗ trợ thiết lập hệ thống quản lý hóa chất nội bộ
- ✓ Huấn luyện cho nhân viên, cán bộ phụ trách tại doanh nghiệp về hệ thống quy định quản lý hóa chất
- ✓ **Phân loại hóa chất & lập Danh mục hóa chất**
- ✓ **Đánh giá tại cơ sở (ví dụ: thực hiện khảo sát tại nhà máy của khách hàng 01 lần/năm, thời lượng khoảng nửa ngày để phỏng vấn nhân viên, rà soát tài liệu liên quan, kiểm tra hiện trường, lập báo cáo tóm tắt các điểm cần khắc phục)**

.v.v.

Dịch vụ tư vấn quản lý hóa chất

Báo cáo hàng quý (mẫu)

ベトナム化学物質規制動向 四半期レポート 2022 年 Q4 (2022 年 10 月～12 月)

目次

- [1. ベトナム、化学品法の詳細に関する政令を一部改正する政令 2022 年 82 号を公布](#)
- [2. ベトナム、化学品法を実施するための通達を一部改正する通達 17/2022/TT-BCT を公布](#)
- [3. ベトナム、使用可能および使用禁止となる農薬リストを公布](#)
- [4. ベトナム、化学品法の改正案に対する各省庁からのコメントを公開](#)
- [5. ベトナム、化学品メーカーを対象とした化学物質規制検査の結果を公開](#)
- [6. 企業に対する留意点のまとめ](#)

1. ベトナム、化学品法の詳細に関する政令を一部改正する政令 2022 年 82 号を公布

ベトナム政府は、2022 年 10 月 18 日、「『化学品法の詳細に関する政令 113/2017/ND-CP』の複数条項の改正・補足に関する政令 82/2022/ND-CP」（以下、本政令）を公布した。本政令は、政令 113/2017/ND-CP の内容を一部改正するもので、規制物質の追加、輸入時に特別な管理が必要となる化学品の指定、各種ライセンスの申請書類の簡略化、混合物における濃度裾切値の設定、工業用前駆物質管

**Consulting Service on
Vietnam Chemical Regulations
Monitoring Report Vol. 2022-04**

Table of contents

- [1. Vietnam revises detailed regulations for Law on Chemicals](#)
- [2. Vietnam issues circular to amend implementation regulations for Law on Chemicals](#)
- [3. Vietnam releases draft revision of Law on Chemicals, plans to implement it in 2025](#)
- [4. Vietnam publishes comments from ministries on draft revision of Law on Chemicals](#)

1. Vietnam revises detailed regulations for Law on Chemicals

On October 18, 2021, Vietnam's government issued a decree (Decree No. 82/2022/ND-CP) that revised Decree No. 113/2017/ND-CP specifying and providing guidelines for implementing specific articles of the Law on Chemicals.

This revision adds to the list of regulated substances, specifies chemicals that require special management for import, simplifies the document requirements for license application, sets a limit on impurity content in chemicals, simplifies the management of industrial precursor substances, makes changes to GHS hazard classifications, changes the

Mẫu: Danh mục phân loại hóa chất

CHEMICAL LIST																					
No.	Product name	Use	UN	GHS Classification	Category	Component name	CAS RN	Concentration (%)	Molecular formula	Annex I	Annex II	Annex III	Annex IV	Annex V	Industrial precursor	Conditional chemical	Restricted chemical	Prohibited chemical	Chemical required incident prevention and response plan	Declared chemical	Industrial precursor
1	ABC	Solvent	1263 (Class 3)	Flammable liquids (Chất lỏng dễ cháy)	2	toluene	108-88-3	45	C7H8	✓	x	x	x	x	✓	○				○	○
				Acute toxicity (Vapours)	4	2-Propanol	67-63-0	10-20	C3H8O	✓	x	x	x	✓	x						
				Skin corrosion/irritation (Ấn mòn/kích ứng)	2	1-butanol	71-36-3	5-10	C4H10O	✓	x	x	x	✓	x						
				Serious eye damage/eye irritation (Tổn thương mắt nghiêm trọng)	2	methylethyl ketone	78-93-3	20	C4H8O	✓	x	x	x	x	✓						
				*****	*****	*****	*****	*****	*****												

Thông tin cơ bản (cách sử dụng, thành phần, CAS RN, nồng độ, phân loại nguy hiểm, v.v.)

Kiểm tra hóa chất có thuộc trong danh mục được quản lý

Xác định các sản phẩm hóa chất có thuộc danh mục quản lý hóa chất



- Đầu ra cho khách hàng**
- Danh sách phân loại hóa chất (cũng đóng vai trò là công cụ quản lý thông tin cho khách hàng)
 - Báo cáo về các yêu cầu pháp lý đối với hóa chất được quản lý

Hóa chất có điều kiện, Hóa chất hạn chế, Hóa chất cấm, Hóa chất khai báo, Tiền chất, Hóa chất bằng, v.v.

Dịch vụ đánh giá tuân thủ hóa chất

Hỗ trợ bao gồm công ty thương mại và công ty sản xuất!

Chúng tôi hỗ trợ đánh giá chuyên sâu về quản lý hóa chất!

Bao gồm Luật bảo vệ môi trường, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật tài nguyên nước, **Luật hóa chất**, Luật an toàn vệ sinh lao động, v.v.

Giấy phép, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố, báo cáo hàng năm, phiếu an toàn, kho lưu trữ hóa chất, v.v.

Does the factory carry out periodic wastewater monitoring?

Subjects required to carry out periodic wastewater monitoring include:

- a) Dedicated areas for production, business, service and industrial clusters that discharge wastewater into the environment;
- b) Investment projects and facilities that discharge wastewater into the environment at a large flow rate (> 500m³/day (24 hours)).

Note: Average flow rate: 200-500m³/day; Large flow rate: 500-1000m³/day; Very large flow rate: >1000m³/day

Entities, wastewater discharge flow rates and monitoring methods required to carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater are specified in the Appendix XXVIII of the Decree, except for facilities which connect their wastewater to the centralized wastewater treatment system, facilities which discharge cooling water not containing chlorine or disinfectants, etc.

a) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 4 in the Appendix XXVIII must carry out automatic and continuous monitoring of wastewater and periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree;

b) The entities specified in Column 2 with the discharge rates specified in Column 5 in the Appendix XXVIII shall carry out automatic and continuous monitoring of wastewater or periodic monitoring of wastewater as specified in Article 97 Clause 3, 4 of the Decree.

The periodic wastewater monitoring must comply with regulations on time, frequency and parameters; parameters that have been automatically and continuously monitored are not required to be periodically monitored.

(Article 111 Clause 2, 4 of Law; Article 97 Clause 1, 2 of Decree)

廃水の定期モニタリングを実施しているか？

定期廃水モニタリングを実施しなければならない対象は以下となる。

- a) 環境へ廃水を排出する集中的製造・取引サービス地区および工業区

- b) 大流量(500m³/日(24時間)以上)で廃水を環境へ排出する投資プロジェクト・施設

※平均流量: 200-500m³/日; 大流量: 500-1000m³/日; 特大流量: >1000m³/日

自動連続的廃水モニタリングおよび定期モニタリングの実施対象となる事業者、排水量、測定方法の詳細は本政令付属書XXVIIIに規定される。(但し、集中廃水処理システムへ接続する施設、塩素や殺菌剤が含まない冷却水を排出する施設などは除く。)

a) 付属書 XXVIII の第47で定める流量の廃水を排出する第2列に該当する事業者は、政令第97条第3、4項で指定される排水の自動連続モニタリングおよび定期モニタリングを実施しなければならない。

b) 付属書 XXVIII の第57で定める流量の廃水を排出する第5列に該当する事業者は、政令第97条第3、4項で指定される排水の自動連続モニタリングまたは定期モニタリングを実施しなければならない。

定期廃水モニタリングにおける時間、頻度、パラメータは規定に従わなければならない。ただし、自動連続廃水モニタリングで測定されたパラメータは、定期モニタリングで測定する必要が無い。

(法律第111条第2、4項、政令第97条第1、2項)

Does the factory carry out periodic waste water monitoring with proper parameters and frequency?

a) Periodic wastewater monitoring parameters and frequency are specified in the environmental license.

b) For a project or facilities which is continuously operating, wastewater must be monitored every 03 months in the case which an EIA is required and every 06 months in the other cases.

c) Regarding the parameters such as total organochlorine of pesticides, total organophosphorus of pesticides, total Polychlorinated Biphenyls (PCBs), dioxin and easily absorbed organic halogens (if any), wastewater must be monitored one time per year in all cases.

(Article 97 Clause 3 of Decree)

定期廃水モニタリングを適切なパラメータ及び頻度で実施しているか。

定期廃水モニタリングのパラメータと頻度は、環境ライセンスに規定されている。

継続して操業中の環境影響評価(EIA)の対象となるプロジェクト・施設は、3ヶ月ごと、それ以外の場合は06ヶ月ごとに廃水モニタリングを行わなければならない。

農薬の総有機塩素および総有機リン、総ポリ塩化ビフェニル(PCB)、ダイオキシン、ならびに易吸収性有機)ロゲン(ある場合)のパラメータについては、全ての場合の測定頻度は年に1回となる。

(政令第97条第3項)

Does the factory classify the hazardous waste?

Generator of hazardous waste must identify, classify, collect and separately store hazardous waste and not to mix it with non-hazardous waste, avoid causing environmental pollution.

Generator of hazardous waste must immediately classify hazardous waste after the waste is brought into the hazardous waste storage area at the facility or at the point of delivery to a hazardous waste disposal contractor..

Hazardous waste must be identified according to hazardous waste codes, list and thresholds, specified in Appendix III Form 01 of the Circular.

(Article 83 of Law; Article 71 Clause 1 of Decree; Article 35 and Appendix III Form 01 of Circular)

有害廃棄物を分類しているか？

有害廃棄物排出者は、有害廃棄物の識別・分類・収集を行い、非有害廃棄物と混合しないように個別に保管し、環境汚染の発生を防止しなければならない。

有害廃棄物排出者は、自らの施設の有害廃棄物保管場所に持ち込む時点、または有害廃棄物処理業者へ引き渡す時点で、有害廃棄物を分類しなければならない。

有害廃棄物お通達の付属書III書式01に指定される有害廃棄物コード、リスト、閾値に従って識別されなければならない。

(法律第83条、政令第71条、通達第35条及び付属書III書式01)

Does the factory store the hazardous waste properly?

Generator of hazardous waste must designate an area for temporary storage of hazardous waste, store hazardous waste in packaging or containers which satisfy environmental protection requirements.

Hazardous waste must be stored in accordance with the following requirements:

- a) Classified hazardous waste must be stored separately;
- b) Hazardous waste must not be mixed with general industrial solid waste;
- c) The storage must not result in release of dust or leakage of liquid waste into the environment;
- d) Hazardous waste must be only stored within 01 year from the date on which it is generated.

In case where such hazardous waste is stored exceeding the aforementioned time limit, due to unavailability of a feasible transport/treatment plan or having not found an appropriate hazardous waste treatment service provider, Generator of hazardous waste must submit annual report on hazardous waste storage at the facility generating it to the provincial environmental protection authority as a separate document or including in the periodic environmental report.

(Article 83 Clause 2 of Law, Article 71 Clause 1 of Decree)

有害廃棄物を適切に保管しているか？

有害廃棄物の排出者は、有害廃棄物の一時保管のための場所を設置し、環境保護要件を満たす包装または容器を使用して有害廃棄物を以下の要件に従って保管しなければならない。

- a) 分類された有害廃棄物は、別々に保管されなければならない。
- b) 有害廃棄物は、一般産業固形廃棄物と混同してはならない。
- c) 保管時における、環境中への粉塵の排出や液体廃棄物の流出などを防止する。
- d) 有害廃棄物の保管期限は、発生日から1年とする。

実行可能な輸送・処理計画がない、または適切な有害廃棄物処理業者が見つからないなどの理由で、上記の期限を越えて有害廃棄物が保管される場合、有害廃棄物の排出者は、その発生施設において有害廃棄物の保管に関する年次報告書を、地方の環境保護当局に別の文書として提出するか、または環境保護年次報告書に記載しなければならない。

(法律第83条第2項、政令第71条第1項)

Tư vấn giấy phép hóa chất

Các loại giấy phép sản xuất, kinh doanh (hóa chất điều kiện/hạn chế)

Trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh, doanh nghiệp phải xin các giấy phép sau tùy thuộc vào chất và tính chất nguy hiểm của hóa chất đó.

① **Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

② **Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp**

Trường hợp có sự thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc về hình thức, quy mô (số lượng) hoặc chủng loại hóa chất, doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận!

Phân loại hóa chất theo quy định

- Phân loại hóa chất thuộc diện quản lý.
- * Chủ yếu căn cứ Phụ lục I và II Nghị định 113/2017/NĐ-CP

Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ

- Các chuẩn bị và yêu cầu tối thiểu cho đăng ký xin cấp phép (kho hóa chất, người phụ trách an toàn hóa chất, phiếu an toàn hóa chất, v.v.)
- Tư vấn lập danh mục các hồ sơ, tài liệu xin cấp phép.
- Biểu mẫu hồ sơ, tư vấn trong quá trình chuẩn bị, v.v.

Tư vấn xin cấp giấy phép

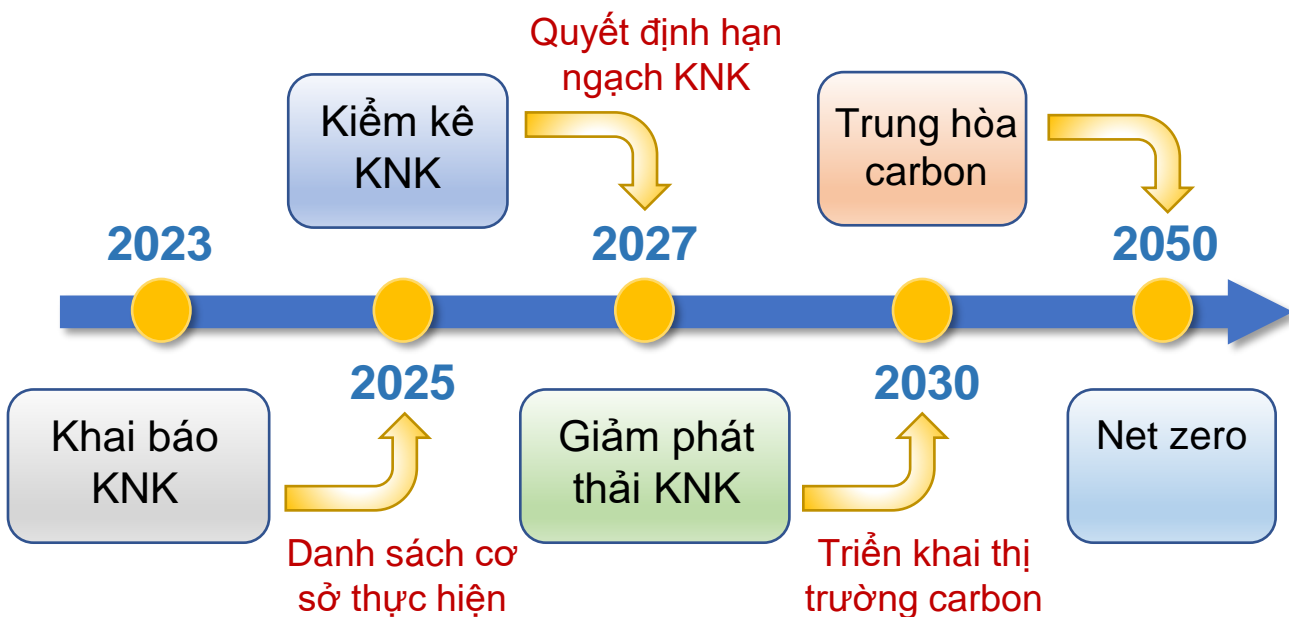
- Chúng tôi có thể cung cấp tư vấn và hỗ trợ về các vấn đề trao đổi thông tin nội bộ và bên ngoài khi xin giấy phép hoặc trong quá trình kiểm tra của cơ quan quản lý.

Dịch vụ này chủ yếu cung cấp tư vấn về thủ tục chuẩn bị và nộp đơn xin cấp giấy phép hóa chất, không bao gồm đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký.

Tư vấn kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính

Tự vấn kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính

Quy định của Việt Nam về biến đổi khí hậu



Nghĩa vụ bắt buộc theo quy định đối với các cơ sở thuộc danh mục tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Nỗ lực quốc tế về giảm phát thải KNK



Yêu cầu quốc tế về việc giảm phát thải KNK từ các khối ngành sản xuất ngày càng nghiêm ngặt theo từng năm.

Tư vấn kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính

Chúng tôi cung cấp cho khách hàng dịch vụ tư vấn về quản lý KNK

Chúng tôi hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính (KNK) nhằm đáp ứng các yêu cầu:

- Quy định pháp luật của Việt Nam
- Chuỗi cung ứng, người dùng cuối (end-user), v.v.



Dịch vụ tư vấn toàn diện giúp doanh nghiệp đạt được dấu chân carbon thấp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và góp phần vào sản xuất bền vững

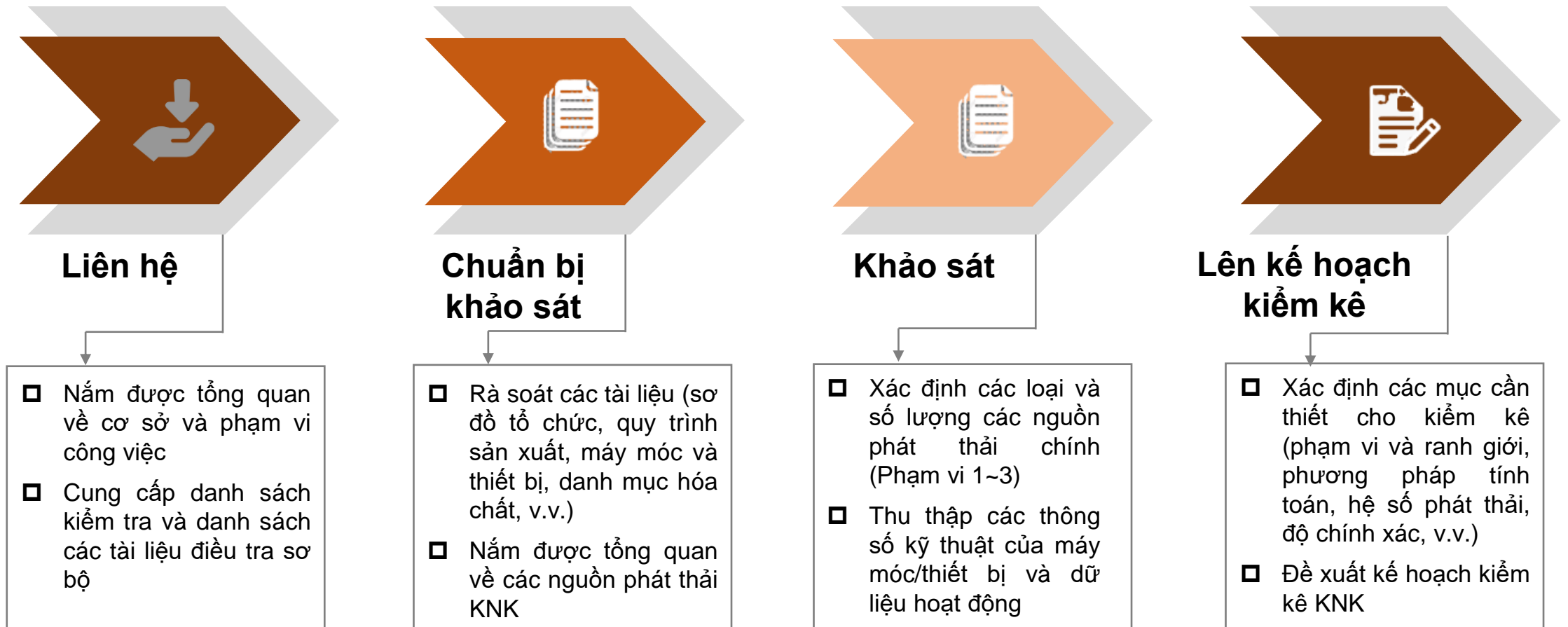
Sản phẩm của dịch vụ

- Báo cáo kiểm kê khí nhà kính
- Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
- Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK

※ Tính toán kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính dựa trên các quy định của Việt Nam (Nghị định 06/2022/NĐ-CP, Thông tư 38/2023/TT-BCT, v.v.), hướng dẫn của IPCC (2006, 2019), GHG Protocol, ISO 14064-1, v.v.

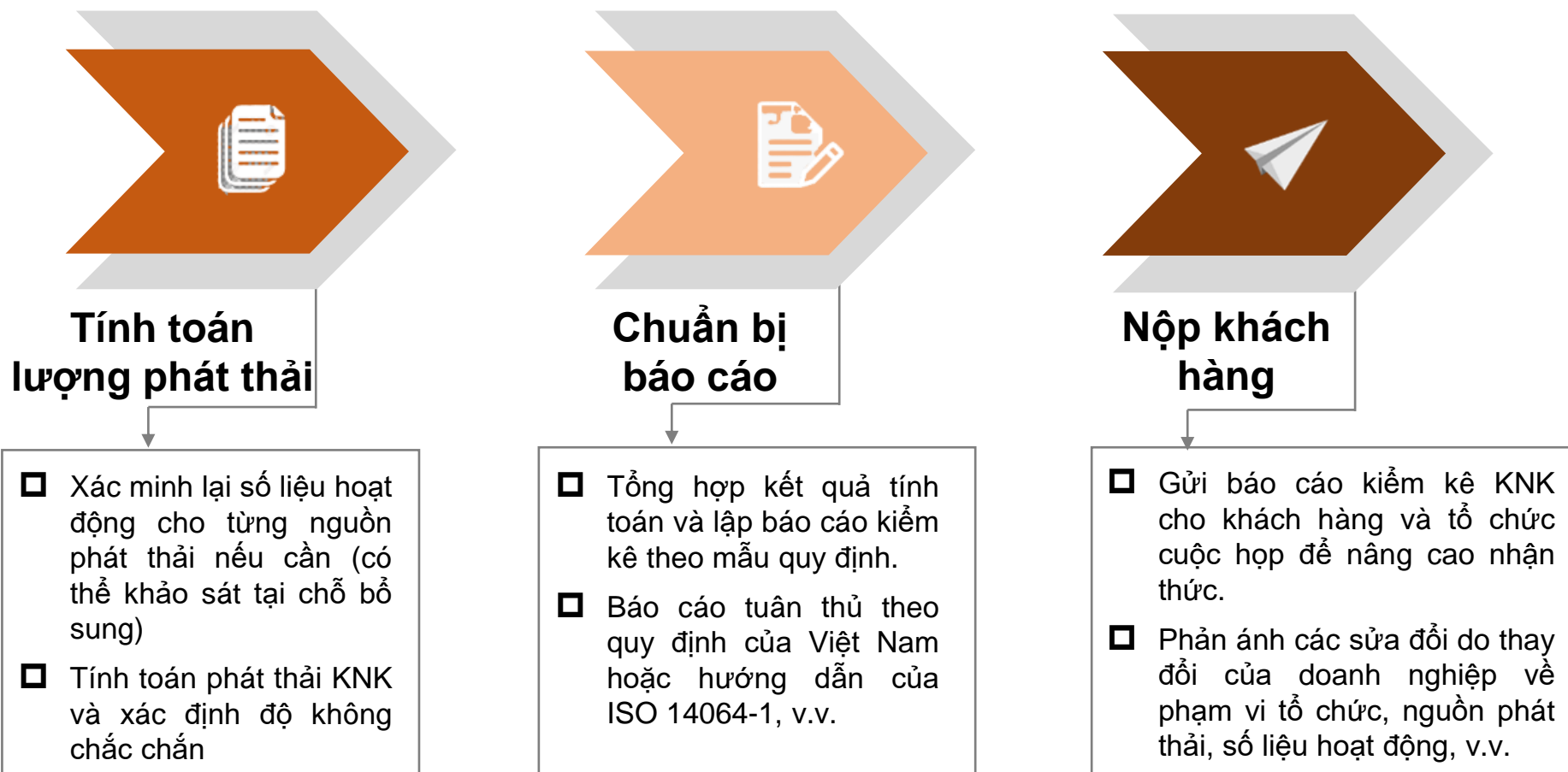
Tự vấn kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính

1. Kiểm kê KNK



Tự vấn kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính

1. Kiểm kê KNK



Tư vấn kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính

2. Giảm phát thải KNK

Phân tích **kết quả** kiểm kê khí nhà kính

- Xác định các nguồn phát thải KNK ưu tiên (ví dụ: phát thải cao, tần suất)
- Phân tích phạm vi tác động của cơ sở đối với các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ

Biện pháp giảm phát thải khí nhà kính

- Lựa chọn các biện pháp kỹ thuật để loại trừ hoặc thay thế các nguồn phát thải KNK (các biện pháp có tác động thấp đến hoạt động của cơ sở, các phương pháp hấp thụ KNK, v.v.)
- Đề xuất các phương pháp đánh giá hiệu quả của từng biện pháp giảm phát thải KNK

Lập **kế hoạch** giảm phát thải khí nhà kính

- Xác định mục tiêu giảm phát thải KNK/hạn ngạch phát thải, năm cơ sở, kịch bản phát triển thông thường (BAU) của cơ sở, v.v.
- Lập kế hoạch triển khai các dự án cho từng biện pháp giảm phát thải KNK
- Đề xuất các phương pháp giám sát **kế hoạch giảm phát thải KNK** của cơ sở

Báo cáo giảm phát thải KNK

- ✓ Phạm vi và ranh giới hoạt động của cơ sở
- ✓ Nguồn phát thải KNK/bể hấp thụ KNK
- ✓ Mục tiêu giảm phát thải KNK, năm cơ sở, BAU
- ✓ Kết quả kiểm kê KNK của năm trước
- ✓ Tính toán **kết quả giảm phát thải KNK** của năm hiện tại
- ✓ Đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm phát thải KNK, v.v.

Hỗ trợ khác

Triển khai
kế hoạch
giảm phát
thải KNK

Kiểm tra
hiện
trường
thường
xuyên

Giám sát và
khảo sát quy
định về KNK